

Số: /QĐ-BĐD

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh chỉ tiêu Kế hoạch tín dụng năm 2024
cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện,
thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

TRƯỞNG BAN ĐẠI DIỆN HĐQT
NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 4051/QĐ-CT ngày 04/12/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các văn bản của Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội: Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 quy định về việc xây dựng và tổ chức kế hoạch tín dụng trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội; Quyết định số 2910/QĐ-NHCS ngày 14/5/2024 về việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tại Công văn số 939/NHCS-KHTD ngày 17/5/2024 về việc đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2024 cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

(Có Phụ lục tổng hợp và các phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, giao Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh phối hợp với Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố và các ngành chức năng có liên quan triển khai thực hiện theo quy định.

2. Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố trình Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội cùng cấp điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2024 theo nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này cho đơn vị trực thuộc để triển khai thực hiện, đảm bảo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội và Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTT.

TRƯỞNG BAN



PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Nguyễn Văn Thi

PHỤ LỤC TỔNG HỢP
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2024
của Trường Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Tổng cộng	Chỉ tiêu kế hoạch tín dụng nguồn vốn Trung ương điều chỉnh tăng, giảm (-)			
			Hộ nghèo	Hộ mới thoát nghèo	Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn NHCSXH huy động
1	Hoàng Hoá	1.000				1.000
2	Hậu Lộc	1.000				1.000
3	Nga Sơn	-2.400			-2.400	
4	Quảng Xương	1.000				1.000
5	Thọ Xuân	1.000				1.000
6	Yên Định	1.000				1.000
7	Đông Sơn	-900			-3.900	3.000
8	Triệu Sơn	1.000				1.000
9	Nông Cống	2.000				2.000
10	Vĩnh Lộc	1.000			-2.000	3.000
11	Hà Trung	0			-1.000	1.000
12	Cẩm Thủy	-3.000			-13.000	10.000
13	Thạch Thành	1.000				1.000
14	Quan Hoá	2.400	1.000	1.000	-600	1.000
15	Bá Thước	-900			-900	
16	Lang Chánh	-600			-600	
17	Ngọc Lặc	2.000				2.000
18	Thường Xuân	30.000	13.000	17.000		
19	Hội Sở tỉnh	3.000			-2.000	5.000
20	Bỉm Sơn	5.000				5.000
21	Quan Sơn	500			-500	1.000
22	Thiệu Hoá	-2.600			-4.600	2.000
23	Mường Lát	1.000				1.000
24	Như Xuân	1.500			-500	2.000
25	Sầm Sơn	5.000				5.000
Cộng		50.000	14.000	18.000	-32.000	50.000

PHỤ LỤC SỐ 01
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN HOÀNG HÓA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	1.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động (Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP)	1.000

PHỤ LỤC SỐ 02
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN HẬU LỘC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	1.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động (Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP)	1.000

PHỤ LỤC SỐ 03
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN NGA SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	-2.400
1	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg)	-2.400

PHỤ LỤC SỐ 04
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	1.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động (Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP)	1.000

PHỤ LỤC SỐ 05
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN THỌ XUÂN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	1.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động (Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP)	1.000

PHỤ LỤC SỐ 06
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN YÊN ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	1.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động (Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP)	1.000

PHỤ LỤC SỐ 07
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN ĐỒNG SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	-900
1	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg)	-3.900
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động (Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP)	3.000

PHỤ LỤC SỐ 08
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN TRIỆU SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	1.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động (Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP)	1.000

PHỤ LỤC SỐ 09
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN NÔNG CÔNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	2.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động (Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP)	2.000

PHỤ LỤC SỐ 10
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN VĨNH LỘC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	1.000
1	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg)	-2.000
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động (Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP)	3.000

PHỤ LỤC SỐ 11
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN HÀ TRUNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	0
1	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg)	-1.000
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động (Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP)	1.000

PHỤ LỤC SỐ 12
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN CẨM THỦY
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	-3.000
1	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg)	-13.000
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động (Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP)	10.000

PHỤ LỤC SỐ 13
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN THẠCH THÀNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	1.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động (Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP)	1.000

PHỤ LỤC SỐ 14
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN QUAN HÓA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	2.400
1	Cho vay hộ nghèo (Nghị định số 78/2002/NĐ-CP)	1.000
2	Cho vay hộ mới thoát nghèo (Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg & Quyết định số 02/2021/QĐ-TTg)	1.000
3	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg)	-600
4	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động (Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP)	1.000

PHỤ LỤC SỐ 15
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN BÁ THƯỚC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	-900
1	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg)	-900

PHỤ LỤC SỐ 16
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN LANG CHÁNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	-600
1	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg)	-600

PHỤ LỤC SỐ 17
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN NGỌC LẶC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	2.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động (Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP)	2.000

PHỤ LỤC SỐ 18
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN THƯỜNG XUÂN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	30.000
1	Cho vay hộ nghèo (Nghị định số 78/2002/NĐ-CP)	13.000
2	Cho vay hộ mới thoát nghèo (Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg & Quyết định số 02/2021/QĐ-TTg)	17.000

PHỤ LỤC SỐ 19
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA HỘI SỞ TỈNH (THÀNH PHỐ THANH HÓA)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	3.000
1	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg)	-2.000
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động (Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP)	5.000

PHỤ LỤC SỐ 20
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH THỊ XÃ BỈM SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	5.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động (Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP)	5.000

PHỤ LỤC SỐ 21
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN QUAN SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	500
1	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg)	-500
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động (Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP)	1.000

PHỤ LỤC SỐ 22
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN THIỆU HÓA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	-2.600
1	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg)	-4.600
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động (Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP)	2.000

PHỤ LỤC SỐ 23
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN MƯỜNG LÁT
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	1.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động (Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP)	1.000

PHỤ LỤC SỐ 24
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH HUYỆN NHƯ XUÂN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	1.500
1	Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg)	-500
2	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động (Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP)	2.000

PHỤ LỤC SỐ 25
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2024
CỦA PHÒNG GIAO DỊCH THÀNH PHỐ SÀM SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2024
của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tăng, giảm (-)
I	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	5.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động (Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP)	5.000